TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số:06/2019/QĐST-HNGĐ	*Sa Thầy, ngày 19 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01năm 2019(Số cũ: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018), giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.
- Bị đơn: Anh Tôn Long C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn ST, huyện S, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81;82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.
- Bị đơn: Anh Tôn Long C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn ST, huyện S, tỉnh Kon Tum.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tôn Long C đồng ý ly hôn với vợ là chị Phạm Thị N.

- *Về con chung:* Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị N không mang thai.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Chị Phạm Thị N và anh Tôn Long C mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Phạm Thị N tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nêu trên. Do đó, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Phạm Thị N đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001730, ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được nhận lại số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại ĐN;
- TAND tỉnh KT;
- VKSND huyện Sa Thầy;
- UBND thị trấn Sa Thầy;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thiều Thị Dũng